

Bản án số: 78/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 08/7/2019.

Về việc: “Xin ly hôn và nuôi con”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG**
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn An**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Cao Phước Nghĩa
2. Ông Võ Thanh Bình

Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Mộng Trinh** - Thư ký TAND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Hậu** – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 177/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2019 về việc: “Xin ly hôn và nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2019/QĐST - HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24/6/2019 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị **Phan Thị Mỹ D**, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Hòn Sóc, xã Thổ Sơn, huyện HĐ, tỉnh KG.

2/ Bị đơn: Anh **Lê L**, sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Bến Đá, xã Thổ Sơn, huyện HĐ, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị Phan Thị Mỹ D trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị Phan Thị Mỹ D và anh Lê L tự tìm hiểu yêu thương nhau và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2010. Sau đó anh chị có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang vào ngày 05/01/2011. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó được khoảng 4 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống nên chị D bỏ về gia đình mẹ ruột sống và anh chị cũng ly thân từ tháng 02 năm 2011 cho đến nay. Nay

nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt mục đích nên chị D yêu cầu được ly hôn với anh Lê L.

- Về con chung: Quá trình chung sống giữa chị D và anh L có 01 người con chung tên là Phan Hận Thanh Tân, sinh ngày 10/6/2011. Hiện tại chị D đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ly hôn chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Lê L trình bày:*

- Về hôn nhân: giữa anh Lê L và chị Phan Thị Mỹ D tự tìm hiểu yêu thương nhau và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2010. Sau đó anh chị có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang vào ngày 05/01/2011 là đúng như lời trình bày của chị D. Cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Đến tháng 02 năm 2011 thì chị D bỏ về gia đình mẹ ruột sống và hai chúng tôi đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Lý do của việc sống ly thân là do cha mẹ vợ của anh La ngăn cản tình cảm của vợ chồng nên anh La không thể gặp được chị D và con là cháu Tân. Nay chị D yêu cầu được ly hôn với anh L thì anh La không đồng ý bởi vì anh cho rằng giữa hai vợ chồng anh chị không có mâu thuẫn gì.

- Về con chung: Có 01 người con chung là Phan Hận Thanh Tân, sinh ngày 10/6/2011 như chị D trình bày là đúng. Anh L không đồng ý giao cháu Tân cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Tân đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho chị Phan Thị Mỹ D được ly hôn với anh Lê L. Về con chung: giao cháu Phan Hận Thanh Tân, sinh ngày 10/6/2011 cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị D không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự trình bày không có tài sản chung và không có nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về thẩm quyền*: Đối với tranh chấp về hôn nhân gia đình giữa chị Phan Thị Mỹ D và anh Lê L. Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

[2] *Về nội dung vụ án*: Chị Phan Thị Mỹ D và anh Lê L là vợ chồng hợp pháp do đã được UBND xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 05/01/2011. Quá trình chung sống giữa anh chị D và anh L phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp được và đã ly thân từ tháng 02 năm 2018 cho đến nay. Nay chị D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được mục đích nên yêu cầu được ly hôn với anh L.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc chị D yêu cầu được ly hôn với anh L là có cơ sở để được chấp nhận. Bởi lẽ, theo lời trình bày của chị D, chị và anh L sau khi kết hôn với nhau khoảng 4 tháng thì chị và anh L phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến việc chị D bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và ly thân với anh L từ năm 2011 cho đến nay. Từ khi ly thân chị và anh L không còn liên lạc, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau nữa. Chứng tỏ mối quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Mặt khác tại phiên tòa hôm nay anh L cho rằng giữa hai anh chị không có mâu thuẫn gì, việc hai anh chị ly thân là do cha mẹ vợ ngăn cấm. Tuy nhiên anh thừa nhận hiện tại anh không còn tình cảm gì nữa với chị D. Do đó xét yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị Mỹ D với anh Lê L là có cơ sở để được chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Quá trình chung sống chị D và anh L có 01 người con chung tên Phan Hận Thanh Tân, sinh ngày 10/6/2011. Theo lời trình bày của các đương sự thì chị D khi mang thai và sinh con cũng là lúc chị và anh L đã ly thân từ đó cho đến nay. Vì vậy từ khi sinh cháu Tân cho đến nay chị D là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng

con nên chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Tân đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy việc chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Hận đến tuổi trưởng thành là có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, từ khi sinh ra chị D là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Tân, việc giao cháu Tân cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng sẽ không làm ảnh hưởng đến tâm lý cũng như môi trường sống của cháu. Đồng thời việc này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Tân.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Do chị Phan Thị Mỹ D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] *Về tài sản chung*: Chị D và anh L trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên HĐXX miễn xét.

[5] *Về nợ chung*: Chị D và anh L trình bày không có nợ ai hoặc cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên HĐXX miễn xét.

Ý kiến phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất là có cơ sở để được Hội đồng xét xử xem xét trong quá trình nghị án.

[6] *Về án phí hôn nhân và gia đình*: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì chị Phan Thị Mỹ D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 51; 56; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên Xử:**

1/. Về hôn nhân : Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị Phan Thị Mỹ D được ly hôn với anh Lê L.

2/. Về con chung: Giao cháu Phan Hận Thanh Tân, sinh ngày 10/6/2011 cho chị Phan Thị Mỹ D tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh Lê L không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị D không yêu cầu.

Anh Lê L có quyền được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật.

3/. Về tài sản chung và nợ chung : Các đương sự đều trình bày không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên miễn xét.

4/. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm : Chị Phan Thị Mỹ D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002252 ngày 10/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Theo đó chị D không phải nộp thêm.

5/. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS huyện Hòn Đất;
- Chi cục THADS huyện Hòn Đất;
- Đương sự; UBND xã;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn An